

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra trách nhiệm Hiệu trưởng Trường THPT Trà Bồng trong công tác quản lý các hoạt động của nhà trường

Thực hiện Quyết định số 196/QĐ-TTr ngày 22/10/2019 của Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thanh tra trách nhiệm Hiệu trưởng Trường THPT Trà Bồng trong việc quản lý các hoạt động của nhà trường từ ngày 01/11/2019 đến ngày 08/11/2019. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường THPT Trà Bồng.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 22/11/2019 của Trưởng Đoàn thanh tra về việc thanh tra trách nhiệm Hiệu trưởng Trường THPT Trà Bồng trong việc quản lý các hoạt động của nhà trường, Chánh Thanh tra Sở GDĐT Kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường THPT Trà Bồng được thành lập từ năm 1984, đóng trên địa bàn xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Chức năng, nhiệm vụ của Trường thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Trường THPT Trà Bồng trực thuộc Sở GDĐT, là cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có khuôn đất và tài khoản riêng.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Về cơ sở vật chất

1. Phòng học, phòng bộ môn, thí nghiệm, thực hành

- Có 22 phòng học (đảm bảo 01 lớp học/phòng/buổi), có bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng, hệ thống quạt, ánh sáng đầy đủ, đáp ứng cơ bản cho việc giảng dạy và học tập.

- Có 04 phòng thực hành Vật lý, Sinh học, Hóa học, Tin học (diện tích 140 m²/phòng); có 40 máy vi tính được nối mạng internet, đạt tỷ lệ 21,5 học sinh/máy tính; các thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng được dạy và học; thiết bị dùng chung đảm bảo theo quy định.

2. Khối hành chính - quản trị

Có 12 phòng làm việc, gồm phòng hiệu trưởng, 03 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng Đoàn TNCS HCM, 01 phòng kế toán, 01 phòng văn thư, 01 phòng y tế, 01 tiếp công dân, 01 phòng họp cơ quan, 01 phòng phục vụ công tác kiểm tra, thi; các phòng được trang bị đầy đủ bàn ghế và tủ đựng hồ sơ.

3. Khu sân chơi, bãi tập

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 10.000 m², trang thiết bị cơ bản đáp ứng cho giảng dạy và tổ chức các hoạt động trong nhà trường; có nhà đa năng thuận tiện cho tập luyện vào mùa mưa. Trang thiết bị dạy học môn Thể dục và Giáo dục quốc phòng-An ninh đảm bảo phục vụ dạy học.

4. Hệ thống nước sạch, khu vệ sinh

- Nhà trường sử dụng 02 giếng khoan, 01 giếng đào đáp ứng cơ bản cho các hoạt động dạy học và sinh hoạt của giáo viên và học sinh.

- Có 02 khu vệ sinh của học sinh và 01 khu vệ sinh dành cho giáo viên đảm bảo (nam, nữ riêng biệt).

- Thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường thường xuyên, đảm bảo theo quy định xanh, sạch, đẹp, an toàn (rác thải dễ tiêu hủy được đào hố, chôn lấp).

5. Tường rào, cổng ngõ, sân trường, nhà để xe

- Có cổng trường, biển trường, tường rào kiên cố; tuy nhiên, còn một đoạn tường rào khoảng 150m tại khu bán trú học sinh và nội trú giáo viên chưa được xây dựng (*đang xin chủ trương*).

- Có sân trường đáp ứng được hoạt động vui chơi cơ bản của học sinh,

- Có 02 nhà để xe dành cho giáo viên và học sinh (diện tích 100m²), nhà để xe của học sinh có diện tích nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu của học sinh (*nhà trường đã xin chủ trương sửa chữa và xây dựng thêm 100m²*).

6. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học

- Hạ tầng công nghệ thông tin được kết nối internet, có trang bị hệ thống wifi; tuy nhiên, chất lượng đường truyền chưa tốt, thường xảy ra sự cố, mất tín hiệu.

- Đã sử dụng phần mềm SMAS của Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel để quản lý điểm trong nhà trường.

7. Nhà công vụ giáo viên và nhà bán trú học sinh

- Nhà công vụ giáo viên: Có 8 phòng với diện tích 250m², có 13 giáo viên ở.

- Nhà bán trú học sinh: Có 12 phòng với diện tích 449,28 m² (96 giường) có sân chơi, hệ thống nước an toàn, có nhà ăn, nhà bếp phục vụ hàng ngày, đáp ứng cho học sinh ăn, ở.

II. Công tác quản lý, đánh giá và sử dụng viên chức, người lao động

1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Tổng số công chức, viên chức và người lao động: 56 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 04 người (01 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng);

+ Giáo viên: 48 người (06 Toán, 06 Vật lý, 04 Hóa học; 04 Sinh học; 07 Ngữ văn, 03 Lịch sử, 01 GDCD, 03 Địa lý, 05 Tiếng Anh, 04 Tin học, 05 Thể dục-GDQP);

+ Nhân viên: 04 người (01 văn thư, 01 y tế, 01 kế toán, 01 thư viện);

- Có 02 hợp đồng lao động: 01 bảo vệ, 01 tạp vụ.

- Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên: 05 thạc sỹ, 48 cử nhân, 01 cao đẳng, 02 trung cấp; tỷ lệ đạt chuẩn: 100%, trên chuẩn: 8,6%.
Đội ngũ nhà trường có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần học hỏi đồng nghiệp, nâng cao chuyên môn.

2. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm; hồ sơ cán bộ viên chức của Nhà trường

2.1. Công tác sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Hàng năm, Lãnh đạo nhà trường đã ban hành các quyết định về phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các bộ phận, phụ trách thí nghiệm, thực hành; ban hành các quyết định bổ nhiệm Tổ trưởng theo quy định.

- Việc phân công giảng dạy và các nhiệm vụ đối với giáo viên, nhân viên đúng vị trí việc làm, phù hợp với chuyên môn đào tạo và năng lực của mỗi người.

2.2. Công tác quy hoạch cán bộ

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Giám đốc Sở GDĐT, Hiệu trưởng đã rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2015-2020 và xây dựng quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2020-2025 theo đúng quy trình và lưu trữ hồ sơ đầy đủ.

2.3. Quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên và nhân viên

Hiệu trưởng nhà trường quản lý đầy đủ số lượng hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức. Thành phần hồ sơ có đủ theo quy định, có hồ sơ đánh giá công chức, viên chức hàng năm; các quyết định nâng lương. Tuy nhiên, trong một số ít hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức chưa bổ sung kết quả đánh giá, phân loại, quyết định thâm niên nhà giáo, hợp đồng làm việc không xác định thời hạn.

3. Đánh giá cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên

3.1. Đánh giá CBQL, giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng đã thực hiện công tác đánh giá chuẩn nghề nghiệp đối với Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng và giáo viên theo quy định.

- Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp:

+ Năm học 2016-2017: CBQL: 04/4 xuất sắc; GV: 17/48 xuất sắc, 31/48 khá.

+ Năm học 2017-2018: CBQL: 04/4 xuất sắc; GV: 49/49 khá.

+ Năm học 2018-2019: CBQL: 04/4 khá; GV: 04/49 khá; 21/49 đạt, 24/49 chưa đạt.

3.2. Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức

- Lãnh đạo nhà trường thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định về đánh giá công chức, viên chức hàng năm do Sở GDĐT hướng dẫn. Hồ sơ lưu trữ thể hiện đánh giá nhiệm vụ được giao của mỗi cán bộ, công chức, viên chức.

- Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức:

+ Năm 2017: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 17/56 (30,36%), Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 34/56 (60,71%), Hoàn thành nhiệm vụ: 05/56 (8,93%).

+ Năm 2018: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 10/58 (17,24%), Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 41/58 (70,69%), Hoàn thành nhiệm vụ: 07/58 (12,7%).

III. Công tác quản lý nội bộ và phổ biến giáo dục, pháp luật

1. Ban hành các văn bản quản lý nội bộ

Hiệu trưởng ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên và lưu trữ đầy đủ.

2. Thực hiện công tác quản lý và phổ biến giáo dục, pháp luật

2.1. Công tác phổ biến, giáo dục, tuyên truyền pháp luật

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thành lập các ban: Ban phổ biến tuyên truyền pháp luật, Ban tư vấn hướng nghiệp, Ban An toàn giao thông, Ban hoạt động ngoài giờ lên lớp, Tổ pháp chế,...

- Việc phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, nhân viên và người lao động được lồng ghép trong các buổi họp cơ quan, sinh hoạt chuyên môn và báo cáo chuyên đề đầu năm học; cho học sinh được thông qua sinh hoạt ngoại khóa, báo cáo chuyên đề đầu năm học, các tiết dạy tích hợp, lồng ghép theo quy định.

2.2. Công tác công khai trong lĩnh vực giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện công khai các nội dung được quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và hồ sơ được lưu trữ tại nhà trường.

- Hình thức công khai: Trên bảng tin và Website của Nhà trường.

2.3. Công tác phòng chống tham nhũng

- Hàng năm, nhà trường đều ban hành kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tuyên truyền, phổ biến văn bản, quy định về phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với trọng tâm là công khai, minh bạch các lĩnh vực tài chính, giáo dục; mua sắm tài sản công, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản, ngân sách; thực hiện việc kê khai, công khai tài sản thu nhập của công chức, viên chức theo quy định.

- Đến thời điểm tháng 10/2019, chưa phát hiện xảy ra tình trạng tham nhũng, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về tham nhũng.

2.4. Công tác kiểm tra nội bộ: Nhà trường thành lập Ban kiểm tra nội bộ, xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ và tiến hành kiểm tra các hoạt động của giáo viên và học sinh; kết quả đánh giá kiểm tra nội bộ hàng năm được lưu trữ, thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ.

2.5. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Thực hiện đúng quy định, có ban hành Quy chế, lịch tiếp công dân,...

IV. Công tác quản lý hồ sơ, sổ sách và chuyên môn

1. Công tác quản lý hồ sơ, sổ sách trong nhà trường

- Có các loại hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn của cấp trên và có lưu trữ tại nhà trường theo quy định.

- Tuy nhiên, còn một số tồn tại như: giáo viên sử dụng nhiều sổ hợp chuyên môn (sổ sinh hoạt tổ chuyên môn, sổ họp cơ quan, sổ sinh hoạt chuyên đề); sử dụng mẫu sổ ghi điểm cá nhân chưa thống nhất trong nhà trường.

2. Công tác quản lý chuyên môn

2.1. Số lớp và số học sinh từng khối và toàn trường:

Khối	Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
	Số lớp	T/số HS	Số lớp	T/số HS	Số lớp	T/số HS	Số lớp	T/số HS
10	9	299	8	313	8	333	9	336
11	7	266	7	240	7	263	7	290
12	6	205	7	240	7	210	6	234
Cộng	22	770	22	793	22	806	22	860

2.2. Thực hiện quy chế tuyển sinh

- Năm học 2017-2018: Tuyển mới và nhập học: 324/345, tỷ lệ 93,9%;
- Năm học 2018-2019: Tuyển mới và nhập học: 328/320, tỷ lệ: 102,5%;
- Năm học 2019-2020: Tuyển mới và nhập học: 326/330, tỷ lệ: 98,8%.

2.3. Số lượng, tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban các năm học

- 2016-2017: Bỏ học 62 em, tỷ lệ 8,12%; lưu ban 02 em, tỷ lệ 1,4%;
- 2017-2018: Bỏ học 48 em, tỷ lệ 6,1%; lưu ban 11 em, tỷ lệ 1,5%;
- 2018-2019: Bỏ học 49 em, tỷ lệ 6,1%; lưu ban 16 em, tỷ lệ 2,14%;
- 2019-2020: Bỏ học 05 em, tỷ lệ 0,6% (*Đến thời điểm thanh tra*).

2.4. Thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy

- Các loại kế hoạch, nội dung hoạt động trong năm học của tổ chuyên môn và cá nhân đều có lưu trữ trong hồ sơ quản lý của tổ trưởng và của giáo viên; có xây dựng kế hoạch hoạt động năm học theo quy định; có kế hoạch giáo dục 37 tuần thực học, đã triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ chương trình. Tuy nhiên, một số kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn còn lỗi kỹ thuật vi tính.

- Bài soạn của giáo viên: Soạn đủ, đúng theo phân phối chương trình; bám theo chuẩn kiến thức kỹ năng; giáo án đảm bảo nội dung, kiến thức đúng trọng tâm; có thực hiện soạn giảng theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học; các bộ môn khoa học xã hội có thể hiện việc lồng ghép, tích hợp các nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và phòng chống tham nhũng,... Tuy nhiên, trong một số giáo án còn lỗi về kỹ thuật vi tính, một số ít giáo án của giáo viên (môn Vật lý) chưa ghi ngày dạy; một số ít bài soạn (có 2 tiết) nhưng chưa tách tiết để làm rõ mục tiêu của từng tiết dạy.

- Công tác quản lý điểm: Thực hiện công tác quản lý điểm đúng tiến độ (*đến thời điểm thanh tra*). Từ năm học 2018-2019, nhà trường sử dụng Sổ gọi tên và ghi điểm điện tử, có ban hành Quy chế về việc sử dụng Sổ điểm điện tử. Tuy nhiên, vẫn còn một ít giáo viên tẩy xóa, sửa điểm trong sổ điểm cá nhân chưa đúng quy định.

- Có lưu trữ đầy đủ sổ ghi đầu bài các năm học, trong sổ đầu bài có nhận xét của Hiệu trưởng. Tuy nhiên, trong sổ đầu bài (lớp 10A7, 11B3, 11B5) của năm học 2018-2019 chưa ghi đầy đủ thông tin: Tiết phân phối chương trình, nhận xét tiết dạy,...

- Có quản lý và lưu trữ học bạ tương đối tốt, nhưng chưa thống nhất cách ghi xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh, như: Trong học bạ lớp 10A1, 10A2 ghi xếp loại G-T, Kh-Kh, trong học bạ lớp 11B1, 10A8 lại ghi Giỏi-Tốt, Khá-Tốt,...

- Công tác dự giờ, thao giảng: Hiệu trưởng quán triệt các bộ phận có liên quan và giáo viên trong nhà trường thực hiện công tác dự giờ; đánh giá giờ dạy đúng theo Công văn số 1868/SGDDĐT-GDTrH của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại giờ dạy của giáo viên bậc THPT từ năm học 2017-2018. Một số ít giáo viên bộ môn ghi nhận xét trong sổ dự giờ còn sơ sài (môn Vật lý).

- Thực hiện chuyên đề, chủ đề và nghiên cứu bài học: Có xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề, chủ đề và nghiên cứu bài học. Tuy nhiên, việc bố trí thời gian thực hiện giữa các chuyên đề, chủ đề và nghiên cứu bài học chưa khoa học.

2.5. Thực hiện công tác hoạt động ngoài giờ lên lớp và các hoạt động khác

- Hoạt động ngoài giờ lên lớp và giáo dục hướng nghiệp: Nhà trường có xây dựng kế hoạch hoạt động của từng năm học; thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho giáo viên thực hiện hoạt động hướng nghiệp và ngoài giờ lên lớp (Hướng nghiệp 9 tiết/năm; ngoài giờ lên lớp là 18 tiết/năm), có sổ đầu bài theo dõi HĐGDHN và HĐNGLL; bộ phận chuyên môn có ký duyệt giáo án lên lớp của 02 hoạt động này.

- Nghề phổ thông: Trong các năm học 2016-2017 và 2017-2018, nhà trường có kế hoạch và triển khai thực hiện dạy nghề phổ thông cho lớp 11; tổ chức thi nghề phổ thông và lưu trữ kết quả theo quy định.

- Kế hoạch và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014: Đáp ứng được yêu cầu, có xây dựng kế hoạch và thực hiện nội dung phòng, chống tham nhũng ở bộ môn GDCD.

- Công tác quản lý hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng: Nhà trường đã quan tâm đến công tác giáo dục, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của ngành Giáo dục đến cán bộ, giáo viên và học sinh; tổ chức cho Đoàn viên ưu tú học lớp cảm tình Đảng. Nhưng đến nay, nhà trường chưa phát triển được Đoàn viên là học sinh.

- Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống:

+ Nhà trường đã chú trọng đến việc xây dựng kỷ cương, nề nếp cho học sinh; phân công thường xuyên học sinh trực tiếp tham gia trực nhật lớp, lao động, làm đẹp cảnh quan khuôn viên nhà trường; ban hành Bộ quy tắc ứng xử của cán bộ giáo viên, nhân viên trong Trường THPT Trà Bồng. Tuy nhiên, khi xây dựng Bộ Quy tắc chưa sát với hướng dẫn của các cấp về tên gọi, thể thức, hình thức, nội dung.

+ Hiệu trưởng thành lập Tổ tư vấn tâm lý trường học, quan tâm đẩy mạnh hoạt động của Câu lạc bộ Sức khỏe sinh sản vị thành niên nhằm phát triển kỹ năng sống cho học sinh. Tuy nhiên, nhà trường chưa bố trí địa điểm (phòng) phục vụ công tác tư vấn cho học sinh, chưa xây dựng kế hoạch tư vấn hàng năm.

- Công tác quản lý học sinh:

+ Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch số 30/KH-THTB ngày 05/10/2019 về phòng chống bạo lực học đường năm 2019. Tuy nhiên, Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường năm 2019 chưa sát nội dung theo văn bản chỉ đạo của các cấp, các căn cứ để xây dựng kế hoạch.

+ Phối hợp với Công an huyện ban hành Quy chế phối hợp về việc đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

+ Đã quan tâm đến công tác xã hội trong trường học: Xây dựng và duy trì hoạt động mô hình “Mỗi tuần một ngàn đồng” nhằm góp quỹ ủng hộ học sinh nghèo, khó khăn.

+ Hiệu trưởng chưa xây dựng Kế hoạch “Thực hiện quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường giai đoạn 2019-2021 theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của

UBND tỉnh và Kế hoạch “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019-2025” theo Quyết định số 1139/QĐ-UBND của UBND tỉnh (đến thời điểm thanh tra).

- Công tác y tế trường học:

+ Hiệu trưởng thực hiện đúng quy định về công tác khám sức khỏe ban đầu cho học sinh; quản lý và sử dụng thuốc; 100% học sinh tham gia Bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe cho học sinh.

+ Chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho khối 11 và 12 năm học 2019-2020 (đến thời điểm thanh tra).

- Công tác Đoàn thể:

+ Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020, tổ chức triển khai nhiều hoạt động phong phú, thiết thực góp phần giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

+ Chưa xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên năm học 2019-2020 theo Kế hoạch số 811/KH-SGDĐT ngày 24/9/2019 của Sở GDĐT về thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam năm học 2019-2020 của ngành GDĐT. Các hoạt động của Đoàn còn mang tính phong trào, chưa lồng ghép các nhiệm vụ của ngành về giáo dục đạo đức học sinh.

2.6. Kết quả giáo dục về học lực, hạnh kiểm, học sinh giỏi các cấp

2.6.1. Học lực:

NĂM HỌC	Số lượng	GIỎI		KHÁ		TB		YẾU		KÉM	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2016-2017	702	100	14,2	236	33,6	353	37,1	11	14,8	2	0,3
2017-2018	745	89	12	278	37,3	342	39,2	26	10,3	10	1,2
2018-2019	757	107	14,1	248	32,8	293	38,7	102	13,5	7	0,9

2.6.2. Hạnh kiểm:

NĂM HỌC	Số lượng	TỐT		KHÁ		TB		YẾU	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2016-2017	702	410	58,4	209	29,8	74	10,5	9	1,3
2017-2018	745	434	58,3	214	28,7	85	11,5	12	1,5
2018-2019	757	477	63	218	28,8	44	5,7	16	2,5

2.6.3. Kết quả đỗ tốt nghiệp THPT:

- Năm học 2016-2017: 166/199, tỷ lệ 93,7%.

- Năm học 2017-2018: 206/227, tỷ lệ 90,7 %.

- Năm học 2018-2019: 153/207, tỷ lệ 73,9%.

2.6.4. Kết quả trúng tuyển vào đại học; cao đẳng sư phạm (đợt 1):

- Năm học 2016-2017: 52 em

- Năm học 2017-2018: 56 em

- Năm học 2018-2019: 43 em

2.6.5. Kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh:

- Năm học 2016-2017: 02 giải khuyến khích;
- Năm học 2017-2018: 03 giải (01 giải Ba, 02 giải khuyến khích);
- Năm học 2018-2019: 04 giải khuyến khích;
- Năm học 2019-2020: 0 (tính đến thời điểm thanh tra).

2.6.6. Kết quả tham gia các phong trào, hội thi của giáo viên

- Năm 2016-2017: có 02 giải cuộc thi sử dụng thiết bị dạy học cấp tỉnh, giáo viên trung học (01 giải ba, 01 giải khuyến khích); có 02 giải giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh (01 giải ba, 01 giải khuyến khích); có 01 giải nhì giáo viên chuyên dáng và tài năng cấp tỉnh.

- Năm học 2017-2018: có 08 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh (04 giải nhì, 04 giải khuyến khích).

- Năm học 2018-2019: có 01 giải ba thi Thiết kế bài giảng Elearning cấp tỉnh.

V. Công tác lập, thẩm tra và giao dự toán Ngân sách nhà nước (NSNN) trong 02 năm (2017, 2018)

1. Số liệu tổng hợp

Tình hình kinh phí và việc sử dụng kinh phí trong 02 năm (2017, 2018) của Trường THPT Trà Bồng được thể hiện theo bảng sau:

Nhà trường tính: đồng

TT	Nội dung thu	Dự toán còn dư năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm	Dự toán được sử dụng trong năm	Quyết toán chi trong năm	Kinh phí hủy cuối năm	Số dư chuyển năm sau
A	Năm 2017		12.614.000.000	-1.466.089.500	11.147.919.500	10.928.952.500	68.698.000	150.269.000
I	NSNN cấp		12.429.000.000	-1.447.364.500	10.981.635.500	10.912.937.500	68.698.000	0
a	Kinh phí thường xuyên		9.685.000.000	-1.954.000.000	7.731.000.000	7.731.000.000		0
b	Kinh phí không thường xuyên		2.744.000.000	350.335.500	3.094.335.500	3.025.637.500	68.698.000	0
c	Cải cách tiền lương			156.300.000	156.300.000	156.300.000		0
2	Kinh phí từ nguồn thu	9.000	185.000.000	-18.725.000	166.284.000	16.015.000	0	150.269.000
	Học phí	9.000	185.000.000	-18.725.000	166.284.000	16.015.000		150.269.000
B	Năm 2018	150.269.000	10.857.000.000	582.048.000	11.589.317.000	11.539.105.500	0	50.211.500
I	NSNN cấp	0	10.665.000.000	603.248.000	11.268.248.000	11.268.248.000	0	0
a	Kinh phí thường xuyên		8.552.000.000		8.552.000.000	8.552.000.000		0
b	Kinh phí không thường xuyên		2.113.000.000	354.844.000	2.467.844.000	2.467.844.000		0
c	Cải cách tiền lương			248.404.000	248.404.000	248.404.000		0
2	Kinh phí từ nguồn thu	150.269.000	192.000.000	-21.200.000	321.069.000	270.857.500	0	50.211.500
	Học phí	150.269.000	192.000.000	-21.200.000	321.069.000	270.857.500		50.211.500

2. Công tác lập, giao dự toán NSNN

Việc lập và giao dự toán thu, chi của nhà trường trong 02 năm (2017, 2018) đảm bảo theo quy định của Luật NSNN và các văn bản của Sở GDĐT, Sở Tài chính và UBND tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tổ chức thực hiện dự toán chi và quyết toán nguồn kinh phí NSNN (NSNN) cấp trong 02 năm (2017, 2018)

Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán trong năm 2017: 10.928.952.500 đồng; năm 2018: 11.539.105.500 đồng.

3.1. Thực hiện nguồn Cải cách tiền lương (CCTL)

Việc chi lương tăng trong 02 năm (2017, 2018), nhà trường thực hiện đảm bảo 40% nguồn thực hiện CCTL từ nguồn thu học phí, chi trả kịp thời và lưu trữ hồ sơ đầy đủ. Tuy nhiên, nguồn thực hiện CCTL từ nguồn ngân sách cấp cho nhà trường thực hiện trong 02 năm còn thiếu số tiền 29.713.851 đồng. Đến thời điểm thanh tra, số kinh phí thiếu này đã được Sở GDĐT tổng hợp vào nhu cầu nguồn CCTL năm 2019 và đã được cấp bổ sung tại Công văn số 1606/SGDDĐT-KHTC ngày 18/10/2019.

3.2. Thực hiện công tác thu, chi đối với nguồn kinh phí NSNN cấp và nguồn thu học phí trong 02 năm (2017, 2018)

- Nhà trường có thực hiện việc mở sổ kế toán để theo dõi quản lý, sử dụng nguồn kinh phí NSNN cấp và nguồn thu học phí.

- Về thu học phí và miễn, giảm học phí:

+ Nhà trường thu học phí đúng theo quy định tại Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh áp dụng từ Học kỳ I năm học 2016-2017, sử dụng biên lai thu học phí do cơ quan thuế phát hành và thực hiện công tác quyết toán với cơ quan thuế đầy đủ, đúng quy định; thực hiện nộp 100% học phí vào KBNN để kiểm soát chi theo quy định.

+ Chi cấp bù học phí: Trong 02 năm (2017, 2018), tổng số tiền chi cấp bù học phí cho học sinh thuộc các đối tượng được hưởng miễn, giảm học phí 183.212.500 đồng (trong đó, năm 2017: 93.492.500 đồng; năm 2018: 89.720.000 đồng).

+ Hỗ trợ chi phí học tập: Trong 02 năm (2017, 2018), tổng số tiền chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc các đối tượng được hưởng 462.200.000 đồng (trong đó, năm 2017: 239.000.000 đồng; năm 2018: 223.200.000 đồng).

+ Những trường hợp được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm 2017, 2018 đúng theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30/3/2016 về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Nhà trường thực hiện việc chi trả cho các đối tượng được hưởng kịp thời, lưu trữ hồ sơ đầy đủ khoa học.

- Hỗ trợ học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Thủ tướng chính phủ:

+ Trong 02 năm (2017, 2018), tổng số tiền chi hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng là 3.882.197.000 đồng (trong đó, năm 2017: 2.163.773.000 đồng; năm 2018: 1.718.424.000 đồng).

+ Nhà trường thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho học sinh theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 (289 học sinh); Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 (320 học sinh) đã được cơ quan quản lý cấp trên thẩm định phê

duyet. Nhà trường thực hiện việc chi trả cho các đối tượng được hưởng kịp thời và lưu trữ hồ sơ đầy đủ.

3.3. Thực hiện chi trả chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên: Nhà trường thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo; chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; chế độ phụ cấp thâm niên cho nhà giáo theo quy định.

3.4. Việc tiết kiệm chi và trích lập quỹ

- Năm 2017: Không có tiết kiệm chi.

- Năm 2018: Nhà trường trích lập các quỹ gồm: Quỹ bổ sung thu nhập 153.827.801 đồng, chiếm 50%; Quỹ phúc lợi 92.296.681 đồng, chiếm 30%; Quỹ khen thưởng 15.382.780 đồng, chiếm 5%; Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp 46.148.340 đồng, chiếm 15%.

- Việc tiết kiệm chi và trích lập quỹ tại nhà trường, nhà trường thực hiện đúng quy định và theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

3.5. Việc sử dụng các quỹ: Đầu năm 2019, Nhà trường thực hiện chi từ quỹ bổ sung thu nhập 153.827.801 đồng để chi thu nhập tăng thêm năm 2018 cho người lao động, đúng quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

VI. Kết quả thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách trong 02 năm (2017, 2018)

1. Tổ chức thi nghề phổ thông

- Năm 2017, nhà trường thực hiện theo công văn hướng dẫn của Sở GDĐT số 767/SGDĐT-KHTC ngày 05/5/2017. Tổng thu được 9.614.000 đồng với mức thu 38.000 đồng/học sinh; Tổng chi 9.614.000 đồng (trong đó, nộp về Sở GDĐT là 2.783.000 đồng, chi hội đồng tổ chức coi thi là 6.831.000 đồng).

- Năm 2018, nhà trường thực hiện theo công văn hướng dẫn của Sở GDĐT số 269/SGDĐT-GDTrH ngày 27/2/2018; Công văn số 635/UBND-VX ngày 17/4/2018 về việc nhất trí chủ trương xã hội hóa tiền thi nghề; Tổng thu được 10.800.000 đồng với mức thu 50.000 đồng/học sinh; Tổng chi 10.800.000 đồng (trong đó, nộp về Sở GDĐT là 2.398.000 đồng, chi tổ chức coi thi là 8.402.000 đồng).

- Nhà trường lập phương án thu, chi chi tiết theo nguyên tắc thu đủ bù chi và trình UBND huyện để làm cơ sở thực hiện; nguồn thu này được theo dõi trong Báo cáo tài chính và lưu trữ hồ sơ chứng từ đầy đủ.

2. Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh

- Tổng số tiền được cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện trích lại trong 02 năm (2017, 2018) là 40.089.900 đồng (trong đó, năm 2017: 11.377.400 đồng, năm 2018: 28.712.500 đồng); chi trong 02 năm (2017, 2018) là 20.632.000 đồng (trong đó, năm 2017: 11.362.000 đồng, năm 2018: 9.270.000 đồng); số dư cuối năm 2018 là 19.457.900 đồng.

- Nhà trường thực hiện các khoản chi (được cơ quan BHXH huyện trích lại trong 02 năm) để phục vụ cho việc mua thuốc, giường nằm, khám sức khỏe,... cho học sinh; nguồn thu này được theo dõi trong Báo cáo tài chính và lưu trữ hồ sơ chứng từ đầy đủ.

3. Lệ phí tuyển sinh Đại học, Cao đẳng

- Năm 2018, Nhà trường thực hiện theo công văn số 573/SGDDĐT-KHTC ngày 05/4/2017 của Sở GDĐT về hướng dẫn công tác thu, chi lệ phí dự thi, dự tuyển kỳ thi THPT quốc gia và thi, xét tuyển sinh các lớp đầu cấp năm 2017. Tổng thu được 11.220.000 đồng, tổng chi 11.220.000 đồng (trong đó, nộp về Sở GDĐT là 7.293.000 đồng, chi thu nhận xử lý hồ sơ dự thi 3.927.000 đồng).

- Nhà trường thực hiện theo đúng văn bản quy định về thu chi, có theo dõi nguồn thu này trong Báo cáo tài chính và lưu trữ hồ sơ chứng từ đầy đủ.

4. Tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm (DTHT) tại trường

Trong 02 năm (2017, 2018), có tổ chức hoạt động DTHT trong nhà trường theo Quyết định số 1524/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2016 của Sở GDĐT.

- Năm 2017, tổng thu 327.641.000 đồng, chi trong năm 327.641.000 đồng (trong đó chi giảng dạy là 262.112.800 đồng-chiếm 80%, chi quản lý là 32.764.100 đồng-chiếm 10%; chi cơ sở vật chất là 32.764.100 đồng-chiếm 10%.) Tồn quỹ chuyển sang năm sau là 0 đồng.

- Năm 2018, tổng thu 628.225.000 đồng, chi trong năm 624.640.942 đồng (trong đó, chi giảng dạy là 502.580.000 đồng-chiếm 80%, chi quản lý là 62.822.500 đồng-chiếm 10%; chi cơ sở vật chất là 55.931.000 đồng-chiếm 9%). Tồn quỹ chuyển sang năm sau là 3.584.058 đồng.

- Trong năm học 2017-2018, nhà trường có sự biến động về sĩ số học sinh và thay đổi về giáo viên giảng dạy nên nhà trường đã làm báo cáo gửi Sở GDĐT điều chỉnh sĩ số học sinh và giáo viên thực tế tại trường (Báo cáo số 98/BC-THTB ngày 10/5/2018).

- Nhà trường thực hiện DTHT đúng theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 và Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, có lưu trữ hồ sơ chứng từ đầy đủ.

- Nhà trường đã thực hiện Kết luận của Kiểm toán nhà nước khu vực III tại Thông báo số 482/TB-KVIII ngày 28/11/2018 về nộp thuế TNDN đối với khoản thu dạy thêm học thêm năm 2017, với số tiền 6.552.820 đồng.

VII. Kết quả kiểm tra việc mua sắm, sửa chữa và Quản lý tài sản

1. Tổ chức thực hiện mua sắm tài sản

1.1. Số liệu tổng hợp

- Năm 2017 mua 213.940.000 đồng (mua sắm bàn ghế học sinh: 95.940.000 đồng, mua thiết bị phục vụ dạy học: 118.000.000 đồng);

- Năm 2018 mua 99.135.000 đồng (thiết bị, phần mềm, dụng cụ giảng dạy và học tập).

- Quy trình thực hiện đấu thầu:

+ Năm 2017: Chào hàng cạnh tranh rút gọn và chỉ định thầu rút gọn.

+ Năm 2018: Mua sắm tập trung do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đấu thầu.

1.2. Kết quả kiểm tra

- Trong quá trình tổ chức thực hiện mua sắm tài sản, nhà trường cơ bản đã thực hiện đúng thẩm quyền quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; các văn bản quy định của Chính phủ, Bộ Tài

chính và UBND tỉnh. Tài sản quyết định mua sắm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và đáp ứng cho việc thực hiện hoạt động của nhà trường.

- Nhà trường thực hiện quy định về trình tự, thủ tục, mua sắm tài sản theo đúng Luật Đấu thầu và các văn bản quy định của các cấp về đấu thầu; thực hiện công khai Kế hoạch mua sắm tài sản và kết quả mua sắm tài sản đúng quy định.

2. Tổ chức thực hiện sửa chữa tài sản

1.1. Số liệu tổng hợp

- Năm 2017: Sửa chữa 10 phòng học phía Nam với số tiền là 433.432.000 đồng;
- Năm 2018: Sửa chữa Hệ thống khu bán trú học sinh với số tiền là 476.677.000 đồng.

1.2. Kết quả kiểm tra

Kiểm tra các hạng mục: Sửa chữa 10 phòng học phía Nam và sửa chữa Hệ thống khu bán trú học sinh như sau:

- Hồ sơ, chứng từ: Đã tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng sửa chữa cơ bản đảm bảo theo các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng; hồ sơ chứng từ tài chính được lưu trữ đầy đủ.

- Đối chiếu các quy định và khối lượng thi công thực tế sửa chữa các hạng mục công trình với hồ sơ quyết toán nhà trường đã quyết toán tăng 19.441.000 đồng (*có bảng kê kèm theo*), trong đó:

+ Quyết toán chi phí thẩm tra quyết toán sai quy định: 8.882.000 đồng (Sửa chữa 10 phòng học phía Nam: 4.180.000 đồng và sửa chữa Hệ thống khu bán trú học sinh: 4.702.000 đồng). Nguyên nhân: Sở GDĐT thực hiện việc thu chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành là không đúng thẩm quyền (*Sở GDĐT thực hiện thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình sửa chữa tài sản hoàn thành khi không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép*).

+ Quyết toán giá trị sửa chữa tăng so với giá trị khối lượng thực tế thi công: 10.559.000 đồng (Sửa chữa 10 phòng học phía Nam: 3.888.000 đồng và sửa chữa Hệ thống khu bán trú học sinh: 6.671.000 đồng).

3. Việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản

3.1. Báo cáo kê khai, đăng ký tài sản

Nhà trường chưa cập nhật thông tin và thực hiện kê khai, đăng ký vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước từ năm 2017 cho đến nay.

3.2. Quản lý, sử dụng tài sản

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản có sự thống nhất, phân công trách nhiệm cụ thể. Tài sản mua sắm đúng tiêu chuẩn, định mức quy định, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; được kiểm kê và theo dõi trên sổ sách kế toán; được báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản với cơ quan có thẩm quyền.

- Hàng năm, Nhà trường có thực hiện việc kiểm kê tài sản cuối năm, có ghi tăng, giảm biến động tài sản cố định. Số liệu trên sổ tài sản và Báo cáo tài chính chính xác.

- Nhà trường xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của Bộ Tài chính từ năm 2019.

- Nhà trường thực hiện chưa đầy đủ việc công khai quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Quyết định 115/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, Nhà trường, tổ chức) và khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/10/2010 của Bộ Tài chính (Thời gian thực hiện công khai: Thiểu Biểu mẫu 03, Biểu mẫu 04 và chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch).

C. KẾT LUẬN NGUYÊN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM

I. Kết luận

1. Ưu điểm

1.1. Cơ sở vật chất

- Nhà trường có 22 phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng, hệ thống quạt, ánh sáng, đáp ứng cơ bản cho việc giảng dạy và học tập; có phòng thực hành Vật lý, Sinh học, Hóa học, Tin học, các thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng được dạy và học và thiết bị dùng chung đảm bảo theo quy định; có khối hành chính - quản trị riêng biệt với 12 phòng làm việc; có nhà công vụ giáo viên với 8 phòng và nhà bán trú học sinh được bố trí hệ thống điện, nước an toàn đủ cho học sinh bán trú.

- Khuôn viên nhà trường được xây dựng riêng biệt, có tường rào, cổng ngõ, biển trường; có sân trường, vườn hoa; có khu vệ sinh dành cho giáo viên, học sinh nam, nữ riêng biệt; có nhà để xe dành cho giáo viên và học sinh; có nhà đa năng thuận tiện cho tập luyện vào mùa mưa; trang thiết bị dạy học môn Thể dục và GDQP-AN đảm bảo phục vụ dạy học.

- Hạ tầng công nghệ thông tin được kết nối internet, có trang bị hệ thống wifi; đã sử dụng phần mềm SMAS.

1.2. Công tác quản lý, đánh giá và sử dụng viên chức, người lao động

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường có năng lực chuyên môn vững vàng; ham học hỏi, đáp ứng được yêu cầu đổi mới hiện nay. Lãnh đạo nhà trường đã quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên đúng vị trí việc làm; tạo thuận lợi thực hiện các hoạt động giáo dục, cơ bản đảm bảo để thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu giáo dục trong nhà trường.

- Công tác quy hoạch cán bộ nguồn lãnh đạo trong nhà trường được thực hiện theo hướng dẫn của ngành, hồ sơ lưu trữ đầy đủ.

- Lãnh đạo nhà trường quản lý đầy đủ số lượng hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức hiện có. Thành phần hồ sơ có đủ theo quy định, có hồ sơ đánh giá công chức, viên chức hàng năm.

- Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, giáo viên hàng năm được Lãnh đạo nhà trường thực đúng quy định, hướng dẫn hàng năm do Sở GDĐT.

1.3. Công tác quản lý nội bộ và phổ biến giáo dục, pháp luật

- Ban hành đầy đủ các văn bản quản lý nội bộ theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên và lưu trữ tại Nhà trường.

- Phổ biến, giáo dục, tuyên truyền pháp luật cho cán bộ, nhân viên, người lao động và học sinh được lồng ghép trong hoạt động ngoại khóa, báo cáo chuyên đề đầu năm học, các tiết dạy tích hợp, lồng ghép.

- Thực hiện công khai trong lĩnh vực giáo dục tại Nhà trường, đánh giá công chức, viên chức và đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo quy định.
- Công tác phòng, chống tham nhũng thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch.
- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ và lưu trữ hồ sơ kiểm tra hàng năm.
- Thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nghiêm túc, theo quy định.

1.4. Công tác quản lý hồ sơ, sổ sách và chuyên môn

1.4.1. Công tác quản lý hồ sơ, sổ sách trong nhà trường

Nhà trường có các loại hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn của cấp trên và có lưu trữ tại nhà trường.

1.4.2. Công tác quản lý chuyên môn

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình, nội dung kế hoạch dạy học theo đúng môn học, khối lớp giảng dạy và nhiệm vụ năm học.

- Thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước giao; số lớp và số học sinh từng khối và toàn trường đúng theo nhiệm vụ được giao.

- Lưu trữ đầy đủ các loại kế hoạch, nội dung hoạt động trong năm học của trường, tổ chuyên môn và cá nhân; có xây dựng kế hoạch hoạt động năm học theo quy định; có kế hoạch giáo dục 37 tuần, thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ chương trình. Bài soạn của giáo viên đủ, đúng theo phân phối chương trình; bám theo chuẩn kiến thức kỹ năng; đảm bảo nội dung, kiến thức đúng trọng tâm; thực hiện soạn giảng theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học; các bộ môn KHXH có thể hiện việc lồng ghép, tích hợp các nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và phòng chống tham nhũng; đánh giá giờ dạy đúng theo Công văn số 1868/SGDĐT-GDTrH của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại giờ dạy của giáo viên bậc THPT từ năm học 2017-2018; xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề, chủ đề và nghiên cứu bài học; Thực hiện công tác quản lý điểm đúng tiến độ, nhà trường sử dụng Sổ gọi tên và ghi điểm điện tử theo quy định (từ năm học 2018-2019).

1.4.3. Thực hiện công tác hoạt động ngoài giờ lên lớp và các hoạt động khác

- Thực hiện nghiêm túc về công tác hoạt động ngoài giờ lên lớp và giáo dục hướng nghiệp, nghề phổ thông; Kế hoạch và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

- Công tác quản lý hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng: Quan tâm, thực hiện tốt công tác giáo dục, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của ngành đến cán bộ, giáo viên và học sinh; tổ chức cho Đoàn viên ưu tú học lớp cảm tình Đảng.

- Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống: Thực hiện công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong nhà trường; thành lập Tổ tư vấn tâm lý trường học; đẩy mạnh hoạt động của Câu lạc bộ Sức khỏe sinh sản vị thành niên nhằm phát triển kỹ năng sống cho học sinh.

- Công tác quản lý học sinh: Ban hành các văn bản về phòng chống bạo

lực học đường, đã ký Quy chế phối hợp với Công an huyện về việc đảm bảo an ninh, an toàn trường học; quan tâm đến công tác xã hội trong trường học.

- Công tác y tế trường học: Nhà trường thực hiện đúng quy định về công tác khám sức khỏe ban đầu cho học sinh; quản lý và sử dụng thuốc; 100% học sinh tham gia Bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe cho học sinh.

- Công tác Đoàn thể: Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, tổ chức triển khai nhiều hoạt động phong phú, thiết thực góp phần giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

1.5. Công tác mua sắm, sửa chữa và Quản lý tài sản

- Nhà trường tổ chức thực hiện mua sắm tài sản cơ bản đã thực hiện đúng thẩm quyền quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; các văn bản quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và UBND tỉnh. Tài sản quyết định mua sắm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và đáp ứng một phần cho việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Nhà trường thực hiện trình tự, thủ tục, mua sắm tài sản theo đúng Luật Đấu thầu và các văn bản quy định của các cấp về đấu thầu; thực hiện công khai Kế hoạch mua sắm tài sản và kết quả mua sắm tài sản đúng quy định.

- Nhà trường tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng sửa chữa cơ bản đảm bảo theo các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng; hồ sơ chứng từ tài chính được lưu trữ đầy đủ.

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản có sự thống nhất, phân công trách nhiệm cụ thể. Tài sản mua sắm đúng tiêu chuẩn, định mức quy định, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; được kiểm kê và theo dõi trên sổ sách kế toán; được báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản với cơ quan có thẩm quyền.

- Hàng năm, nhà trường có thực hiện việc kiểm kê tài sản cuối năm, có ghi tăng, giảm biến động tài sản cố định. Số liệu trên sổ tài sản và Báo cáo tài chính chính xác. Nhà trường xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của Bộ Tài chính từ năm 2019.

2. Tồn tại

2.1. Cơ sở vật chất

- Số lượng máy vi tính dùng để giảng dạy cho học sinh chưa đủ, chỉ đạt 21,5 học sinh/máy tính. Chất lượng đường truyền internet chưa tốt, thường xảy ra sự cố mất tín hiệu.

- Còn một đoạn tường rào khoảng 150m tại khu bán trú học sinh và nội trú giáo viên chưa được xây dựng; nhà để xe của học sinh có diện tích nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu của học sinh.

2.2. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm; hồ sơ cán bộ viên chức của đơn vị

- Còn một số ít hồ sơ cán bộ viên chức chưa bổ sung kết quả đánh giá, phân loại, quyết định thâm niên nhà giáo, hợp đồng làm việc không xác định thời hạn.

- Tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn nghề nghiệp theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 trong năm học 2018-2019 còn cao (24/49 giáo viên chưa đạt chuẩn)

2.3. Công tác quản lý hồ sơ, sổ sách trong nhà trường

Sử dụng mẫu sổ ghi điểm cá nhân chưa thống nhất trong nhà trường; giáo viên sử dụng nhiều sổ hợp chuyên môn (sổ sinh hoạt tổ chuyên môn, sổ hợp cơ quan, sổ sinh hoạt chuyên đề); một số ít giáo án (môn Vật lý) chưa ghi ngày dạy; một số ít bài soạn (có 2 tiết) nhưng chưa tách tiết để làm rõ mục tiêu của từng tiết dạy; có tẩy xóa, sửa điểm trong sổ điểm cá nhân chưa đúng quy định; ghi nhận xét trong sổ dự giờ còn sơ sài; chưa thống nhất cách ghi xếp loại trong học bạ; trong sổ đầu bài (lớp 10A7, 11B3, 11B5) của năm học 2018-2019 chưa ghi đầy đủ thông tin: Tiết phân phối chương trình, nhận xét tiết dạy,...

2.4. Thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy: Bố trí thời gian thực hiện giữa các chuyên đề, chủ đề và nghiên cứu bài học chưa khoa học.

2.5. Thực hiện công tác hoạt động ngoài giờ lên lớp và các hoạt động khác

- Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống: xây dựng Bộ quy tắc ứng xử của cán bộ giáo viên, nhân viên chưa sát với hướng dẫn của các cấp; chưa bố trí địa điểm (phòng) phục vụ công tác tư vấn cho học sinh, chưa xây dựng kế hoạch tư vấn hàng năm.

- Công tác quản lý học sinh: Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường năm 2019 chưa sát nội dung theo văn bản chỉ đạo; chưa xây dựng Kế hoạch “Thực hiện quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường giai đoạn 2019-2021 (đến thời điểm thanh tra).

- Công tác y tế trường học: Chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho khối 11 và 12 năm học 2019-2020 (đến thời điểm thanh tra).

- Công tác Đoàn thể: Chưa xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên năm học 2019-2020 theo Kế hoạch số 811/KH-SGDĐT ngày 24/9/2019 của Sở GDĐT về thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam năm học 2019-2020 của ngành GDĐT (đến thời điểm thanh tra). Ngoài ra, các hoạt động của Đoàn còn mang tính phong trào, chưa lồng ghép các nhiệm vụ của ngành về giáo dục đạo đức học sinh.

2.6. Công tác mua sắm, sửa chữa và quản lý tài sản

- Thực hiện việc sửa chữa xây lắp vi phạm trong 02 năm (2017, 2018) với số tiền 19.441.000 đồng, cụ thể:

+ Việc sửa chữa 10 phòng học phía Nam (năm 2017): do nhà thầu thi công xây dựng tăng so với giá trị quyết toán, dẫn đến việc nhà thầu quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, giám sát kỹ thuật thi công không đúng quy định với số tiền là 3.888.000 đồng.

+ Việc sửa chữa Hệ thống khu bán trú học sinh (năm 2018): do nhà thầu thi công xây dựng tăng so với giá trị quyết toán, dẫn đến việc nhà thầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, giám sát kỹ thuật thi công không đúng quy định với số tiền là 6.671.000 đồng.

+ Quyết toán chi phí thẩm tra quyết toán sai quy định: 8.882.000 đồng (Sửa chữa 10 phòng học phía Nam: 4.180.000 đồng và sửa chữa Hệ thống khu bán trú học sinh: 4.702.000 đồng).

- Nhà trường chưa cập nhật thông tin và thực hiện kê khai, đăng ký vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước từ năm 2017 cho đến nay và thực hiện chưa đầy đủ việc công khai quản lý, sử dụng tài sản theo quy định.

II. Trách nhiệm

Những tồn tại, sai sót trong việc thực hiện các quy định về công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện quy chế chuyên môn; công tác sửa chữa và quản lý tài sản tại đơn vị trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng và kế toán của nhà trường.

D. KIẾN NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Kiến nghị Giám đốc Sở GDĐT

- Chỉ đạo Phòng Tổ chức cán bộ:
 - + Theo dõi việc Trường THPT Trà Bồng tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân theo Kết luận này.
- Chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính:
 - + Hướng dẫn cụ thể nghiệp vụ chuyên môn trong mua sắm, sửa chữa và quản lý, sử dụng tài sản.

II. Yêu cầu Hiệu trưởng Trường THPT Trà Bồng

1. Tổ chức rà soát, khắc phục đối với các nội dung còn tồn tại đã nêu tại Điểm 2, Khoản I, Mục C.

2. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến các nội dung sau:

- Chưa ghi đầy đủ thông tin trong sổ ghi đầu bài; sử dụng nhiều mẫu sổ ghi điểm cá nhân.

- Chưa xây dựng Kế hoạch “Thực hiện quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường giai đoạn 2019-2021 theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh và Kế hoạch “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019-2025” theo Quyết định số 1139/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Chiến lược phát triển thanh niên năm học 2019-2020 theo Kế hoạch số 811/KH-SGDĐT ngày 24/9/2019 của Sở GDĐT về thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam năm học 2019-2020 của ngành GDĐT.

3. Thu hồi số tiền **19.441.000 đồng** nộp vào NSNN (có Phụ lục kèm theo).

Hiệu trưởng Trường THPT Trà Bồng nghiêm túc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra này và niêm yết công khai Kết luận này tại đơn vị trong vòng 15 ngày liên tục theo quy định tại Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ và Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện Kết luận thanh tra, đồng thời báo cáo việc thực hiện Kết luận này cho Thanh tra Sở GDĐT để theo dõi, tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/cáo);
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Phòng KHTC, TCCB, GDT&H;
- Trường THPT Trà Bồng;
- Cổng thông tin điện tử của Sở GDĐT;
- Lưu: Hồ sơ Đoàn TTr, TTr.

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Quốc Đông

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kết luận thanh tra số **239/KL-TTr** ngày **29/11/2019**
của Chánh thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo)

BẢNG THỐNG KÊ THU HỒI TIỀN TRONG 02 NĂM (2017, 2018)
Trường THPT Trà Bồng

TT	Nội dung	Năm thực hiện	Số tiền	Ghi chú
1	Sửa chữa Nhà lớp học 10 phòng phía Nam	2017	8.068.000	
	- Thi công xây dựng		3.550.000	
	- Quản lý dự án		117.000	
	- Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật		128.000	
	- Giám sát kỹ thuật thi công		93.000	
	- Chi phí thẩm tra Quyết toán		4.180.000	
2	Sửa chữa Khu bán trú học sinh	2018	11.373.000	
	- Thi công xây dựng		6.076.000	
	- Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật		395.000	
	- Giám sát kỹ thuật thi công		200.000	
	- Chi phí thẩm tra Quyết toán		4.702.000	
	Cộng		19.441.000	

Bảng chữ: Mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng chẵn.